

Bản án số: 20/2019/HSST

Ngày 17 - 4 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Bà Đàm Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C (tên gọi khác: T); sinh năm: 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 322/10/3 đường B, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Nguyễn Thị Lệ T; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/4/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 59/HSST, ngày 23/10/2018 bị Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Tân Bình ra quyết định đưa người nghiện ma túy vào trung tâm tiếp nhận đối tượng xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 74/QĐ-UB); bị bắt giữ ngày: 20/12/2018.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1/Ông Lê Thanh T1 – Sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: 154/55/26/56 đường L, Phường P, Quận B, TP.HCM.

2/Ông Phan Vương L – Sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: A 13 đường S, Phường K, Quận O, TP.HCM.

3/Ông Lê Thanh T1 – Sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: 02-03-04 lô D khu dân cư Đại Lộc, khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Ông Lê Quốc T – Sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 64/213 đường D, Phường K, quận V, TP.HCM.

2/Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1956 (có mặt).

Địa chỉ: 23/36/32/10 đường T, phường Th, quận P, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội, Nguyễn Văn C làm quen với các bị hại (người đồng tính), sau đó dùng thủ đoạn mời đi khách sạn với mục đích quan hệ đồng tính, sau khi gặp các bị hại tại các phòng khách sạn, lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, C đã lén lút thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 19 giờ 00 ngày 30/03/2018, anh Lê Thanh T1 lên mạng xã hội Grindr giành cho người đồng tính làm quen và kết bạn với Nguyễn Văn C (tên gọi khác Nguyễn Văn Khương). C rủ anh T đến phòng 106 khách sạn “Hoàng Châu” – địa chỉ: 289 đường Th, Phường B, Quận O. Đến 23 giờ 40 cùng ngày, anh T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59L2-179.57 đến khách sạn “Hoàng Châu”, gửi xe cho nhân viên bảo vệ (anh T lấy chìa khóa và thẻ xe) rồi lên phòng 106 ở và tâm sự với C. Lúc này, lợi dụng lúc anh T đi tắm, C lén lấy chìa khóa xe và thẻ gửi xe của anh T. Khoảng 15 giờ ngày 31/3/2018, C nói với anh T là đi ra ngoài mua đồ. Đến 17 giờ 00 cùng ngày, anh T không thấy C quay lại và không liên lạc được với C nên xuống bãi xe kiểm tra thì phát hiện mất xe. Anh T xem lại camera an ninh của khách sạn thì biết C lấy xe của mình nên đến Công an Phường 13, Quận 10 trình báo. Công an Phường 13, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 397/KL-ĐGTS ngày 01/06/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59L2-179.57 trị giá 23.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng tháng 04/2018, anh Phan Vương L có quen Nguyễn Văn C (tự xưng tên Khương) thông qua mạng xã hội. Khoảng 10 giờ 20 ngày 13/05/2018, C nhắn tin rủ anh L đến khách sạn “Ngọc Hương” – địa chỉ: A22 đường S, Phường S, Quận O để quan hệ tình dục đồng giới. Anh L đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda Airblade biển số 83P3-455.24 đến khách sạn “Ngọc Hương” thuê phòng số 101. Một lúc sau, C đến phòng số 101 gặp anh L. Tại đây, C đưa 200.000 đồng bảo anh L đi mua bao cao su và thức ăn. Anh L lấy xe mô tô biển số 83P3-455.24 đi mua đồ. Đến khoảng 12 giờ 00, anh L quay về khách sạn. Lúc này, C bảo anh L đi tắm trước. Trong khi anh L tắm, C lấy chìa khóa và thẻ xe và xuống lễ tân lấy xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 83P3-455.24 bỏ đi. Sau tắm xong, không thấy C nên anh L xuống hỏi chị Nguyễn Thị Trà M (là lễ tân) thì biết C đã lấy xe. Anh L đến Công an Phường 15, Quận 10 trình báo sự việc. Công an Phường 15, Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 426/KL-ĐGTS ngày 11/06/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 đã kết luận chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 83P3-455.24 trị giá 38.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Thông qua mạng xã hội Grindr, khoảng 3 giờ ngày 21/5/2018, anh Lê Thanh T1 làm quen với Nguyễn Văn C (tự xưng Lý Minh Hậu). C cho biết C đang ở phòng 206 khách sạn “Minh Minh Tâm” – địa chỉ: 707-709 đường P, Phường D, Quận O, cần tìm bạn tâm sự và quan hệ tình dục đồng giới. Khoảng 04 giờ 30 cùng ngày, anh T1 điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển số 94D1-106.39 chạy đến khách sạn “Minh Minh Tâm” gặp C. Lợi dụng lúc anh T1 đi tắm, C lén lấy chìa khóa xe của anh T1. Khoảng 7 giờ 40 cùng ngày, C nói đi ra ngoài và mua đồ. Sau đó, không thấy C quay lại nên anh T1 xuống lễ tân hỏi thì phát hiện bị mất xe. Anh T1 đến Công an Phường 12, Quận 10 trình báo sự việc. Công an Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 499/KL-ĐGTS ngày 29/06/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 đã kết luận chiếc xe mô tô hiệu Nouvo biển số 94D1-106.39 trị giá 12.000.000 đồng.

Qua truy xét, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 triệu tập Nguyễn Văn C đến làm việc, C khai nhận các hành vi chiếm đoạt sản nói trên. Đối với 03 chiếc xe chiếm đoạt được, C cầm cho anh Lê Quốc T1 và đã tiêu xài hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với Nguyễn Văn C về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên sau đó C bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định truy nã đến ngày 20/12/2018 đã bắt giữ được Nguyễn Văn C.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ 01 USB ghi lại hình ảnh C thực hiện hành vi phạm tội (lưu theo hồ sơ).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T (là bà ngoại của C) bồi thường cho anh Lê Thanh T1 số tiền 17.000.000đồng, anh Phan Vương L số tiền 30.000.000đồng, anh Lê Thanh T1 số tiền 18.500.000đồng. Các anh T, L, T1 đồng ý nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác.

Đối với anh Lê Quốc T1 nhận cầm 03 chiếc xe (không đúng chủ sở hữu do C không xuất trình được giấy đăng ký xe) của C và đã bán cho đối tượng thanh niên không rõ lai lịch, địa chỉ nhưng không biết là tài sản do C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Nguyễn Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Văn C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Nguyễn Thị Tư) không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn C đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại; sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng, nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại); đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn C; xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn C từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp: không có gì để Tòa giải quyết.

- Ý kiến của bị cáo: không có gì tranh luận.
- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Nguyễn Thị Tư): không có yêu cầu gì.
- Lời nói sau cùng của bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với nội dung lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung ghi hình của camera, biên bản nhận dạng, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đã có nhiều hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, trị giá tổng cộng là: 73.000.000 đồng; do vậy bị cáo bị truy tố và xét xử tương ứng theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra bản thân bị cáo có đặc điểm nhân thân: ngày 11/4/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích), ngày 23/10/2018 bị Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Tân Bình ra quyết định đưa người nghiện ma túy vào trung tâm tiếp nhận đối tượng xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Do vậy dù có chiều cớ đến đâu đi nữa, thì hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” (03 lần) theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, nhưng bà Nguyễn Thị Tư (bà ngoại của bị cáo C) đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại, nay phía các bị hại và bà Tư không yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 USB ghi lại hình ảnh C thực hiện hành vi phạm tội, là tài liệu liên quan đến vụ án, nên cần thiết lưu trữ vào trong hồ sơ vụ án (hiện đã được lưu trữ vào trong hồ sơ vụ án).

Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Nội dung kiến nghị: đối với anh Lê Quốc T1 nhận cầm 03 chiếc xe (không đúng chủ sở hữu do C không xuất trình được giấy đăng ký xe) của C và

đã bán cho đối tượng thanh niên không rõ lai lịch, địa chỉ, theo C khai T1 không biết là tài sản do C phạm tội mà, nhưng theo quy định pháp luật các lần cầm xe đều buộc C phải chứng minh mình là chủ sở hữu, nhưng T1 không yêu cầu; hành vi này của Lê Quốc T1 có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ, củng cố chứng cứ, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Quốc T1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo C chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PV.06;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Triệu Luật